

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày 14 tháng 5 năm 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu , tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Địa chỉ: Số 40-42-44, P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quốc T – Quyền Trưởng phòng Khách hàng cá nhân kiêm Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP K Chi nhánh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1986

- Anh Trần Văn S, sinh năm 1992

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

- Ông Trần Văn V

- Ông Trần Văn T

- Bà Trần Thị M

- Ông Trần Văn T

Địa chỉ: Khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày:

Ngày 04/7/2018 vợ chồng ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị K với Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng, ông K và bà K vay của Ngân hàng số tiền 510.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn đánh bắt thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến 17/7/2019; lãi suất vay 10,44%/năm, cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ tư trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng / lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi đối với phần lãi trong hạn là 10%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng ông K, bà K và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 062/18/HĐTC-BĐS/0200-2409 ngày 04/7/2018, thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ 7-3, diện tích 150m² tại khóm N, phường N, thành phố Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 561351 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho bà K và ông K ngày 20/3/2014.

Từ ngày nhận nợ đến nay ông K và bà K chưa thanh toán tiền nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngày 18/7/2019 đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 14/5/2021, tổng số tiền ông K, bà K nợ Ngân hàng là 725.025.429 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 510.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 47.185.060 đồng;

Phạt chậm trả lãi trong hạn: 10.010.809 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 157.829.560 đồng.

Do ông K đã chết, nên Ngân hàng yêu cầu bà K trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/5/2021 là 725.025.429 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 510.000.000đồng;

Lãi trong hạn: 47.185.060 đồng;

Phạt chậm trả lãi trong hạn: 10.010.809 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 157.829.560 đồng.

Và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính kể từ ngày 15/5/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà K không trả được nợ thì phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị K là vợ chồng.

Bà K và ông K có vay tiền và còn nợ Ngân hàng đúng như Ngân hàng đã trình bày ở phần trên.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng bà K, ông K và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 04/7/2018, thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ 7-3, diện tích 150m² tại khóm Nhà Mát, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 561351 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho bà K và ông K ngày 20/3/2014.

Vợ chồng ông K, bà K đã thanh toán cho Ngân hàng được hai tháng lãi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông K lâm bệnh nặng và chết nên không trả vốn và trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Bà K thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng số nợ như Ngân hàng đã yêu cầu và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng quý, mỗi quý trả 20.000.000 đồng cho Ngân hàng đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N, anh Trần Văn S, anh Trần Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị K, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tính đến ngày ngày 14/5/2021 là 725.025.429 đồng. Cụ thể: Nợ gốc: 510.000.000đồng; Lãi trong hạn: 47.185.060 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn: 10.010.809 đồng; Nợ lãi quá hạn: 157.829.560 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tiền lãi nợ quá hạn trên số nợ gốc, phạt chậm trả lãi trong hạn theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính từ sau ngày 14/5/2021 đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

Nếu bà Nguyễn Thị K không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Nguyễn Thị K phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị K trả số nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà K hiện đang cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị K trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Cho nên, Thông báo thụ lý vụ án xác định bị đơn là ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị K. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà K cung cấp tài liệu thể hiện ông K đã chết từ năm 2019, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, Ngân hàng cũng xác định do ông K đã chết nên chỉ yêu cầu bà K trả nợ, cho nên các giai đoạn tố tụng tiếp theo sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không đưa ông Trần Văn K tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Cho nên, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 04/7/2018 vợ chồng ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị K với Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng, ông K và bà K vay của Ngân hàng số tiền 510.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn đánh bắt thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến 17/7/2019; lãi suất vay 10,44%/năm, cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ tư trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng / lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi trong hạn là 10%/năm.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, việc cấp tín dụng dưới hình thức cho vay của Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

Từ ngày nhận nợ đến nay ông K và bà K chỉ thanh toán được hai tháng tiền lãi, chưa thanh toán tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngày 18/7/2019 đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 14/5/2021, tổng số tiền ông K và bà K còn nợ Ngân hàng là ngày 14/5/2021 là 725.025.429 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 510.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 47.185.060 đồng;

Phạt chậm trả lãi trong hạn: 10.010.809 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 157.829.560 đồng.

Do ông K đã chết từ năm 2019, nên Ngân hàng yêu cầu bà K có trách nhiệm trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Bà K thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền đã nêu trên và đồng ý trả số nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng quý, mỗi quý trả 20.000.000 đồng cho Ngân hàng đến khi dứt nợ.

Ngân hàng xác định, khoản vay của bà K đã chuyển sang nợ quá hạn, cho nên không đồng ý yêu cầu trả dần của bà K.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng đã được ký kết đúng theo quy định pháp luật, yêu cầu trả tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lại trong hạn của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông K và bà K thế chấp tài sản như sau:

Quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ 7-3, diện tích 150m² tại khóm N, phường N, thành phố Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 561351 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho bà K và ông K ngày 20/3/2014, trên đất có một căn nhà cấp IV thuộc sở hữu của ông K, bà K.

Mặt khác, tài sản thế chấp nêu trên là của vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị K, ông K đã chết vào năm 2019. Tài sản thế chấp nêu trên chưa được chia thừa kế, hiện nay do bà Nguyễn Thị K đang quản lý, sử dụng.

Theo quy định tại Điều 637 Bộ luật Dân sự quy định về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại; trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo sự thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại. Do đó, đối với tài sản ông K và bà K đang thế chấp tại Ngân hàng, những người thừa kế phần tài sản của ông K có nghĩa vụ phải thực hiện đúng như hợp đồng thế chấp mà ông K đã ký kết với Ngân hàng.

Hợp đồng thế chấp có chứng thực theo quy định, được đăng ký thế chấp đúng quy định. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Nếu bà K không thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Bà K phải chịu. Ngân hàng đã nộp và chi xong, bà K có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bà Nguyễn Thị K.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tính đến ngày 14/5/2021 là 725.025.429 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 510.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 47.185.060 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn: 10.010.809 đồng; Nợ lãi quá hạn: 157.829.560 đồng.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tiền lãi nợ quá hạn trên số nợ gốc, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính từ sau ngày 14/5/2021 đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

4/ Trường hợp bà Nguyễn Thị K không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 7, tờ bản đồ 7-3, diện tích 150m² tại khóm N, phường N, thành phố Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 561351 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho bà K và ông K ngày 20/3/2014.

5/ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị K phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã nộp và chi xong. Bà K có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 600.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị K phải nộp 33.001.017 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là số tiền 14.300.000 đồng theo biên lai số 0007181 ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND TP.Bạc Liêu ;
- Chi cục THADS TP .Bạc Liêu ;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ ;

Lê Hồng Lam